

Bản án số: 09 /2025/HNGĐ-PT
Ngày 04/9/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa: Ông Nguyễn Hành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Thành, Ông Phạm Hải Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Trần Quỳnh Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Đặng Thị Minh Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2025/HNGĐPT ngày 06 tháng 8 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2025/DS-ST ngày 10/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (*nay là Tòa án khu vực 1, tỉnh Quảng Ngãi*) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 119/2025/QĐXX-PT ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh N, sinh năm 2000. Trú tại: Thôn Đ, xã P, tỉnh Quảng Ngãi (*Trước đây là xã H, huyện N, tỉnh Q*).

- Bị đơn: Anh Võ Đình N, sinh năm 1993. Trú tại: Thôn P, xã T, tỉnh Quảng Ngãi (*trước đây là xã H, huyện N, tỉnh Q*)

Chỗ ở hiện nay: Số 199/21 đường B, phường N, tỉnh Quảng Ngãi (*trước đây là phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền, vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện, đơn trình bày, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Đình N có tìm hiểu một thời gian, hai bên gia đình tổ chức cưới và đăng ký kết hôn năm 2022 tại UBND xã H , huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống hạnh phúc một thời gian ngắn và có 01 con chung là cháu Võ Thị Ngân K, sinh ngày 14/01/2023.

Quá trình sinh sống anh N thường xuyên đi nhậu qua đêm, chị có khuyên ngăn thì anh đánh chị, xúc phạm, chửi bới thậm tệ. Anh N làm ăn kinh doanh nợ nần thất bại, thường xuyên đi nhậu với khách hàng, bạn hàng, không đưa tiền cho chị nuôi con. Cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn kéo dài, anh N nhiều lần đánh chị khiến chị hoảng loạn. Do đó, tháng 4 năm 2024 chị ôm con về nhà mẹ đẻ ở xã H sinh sống và có đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án huyện N. Khoảng tháng 5 năm 2024 anh N lên thăm con và tự ý ôm con về nhà và giữ con không cho chị gặp con, thăm con. Từ đó, anh N và ba mẹ anh N ngăn cản không cho chị được gặp con. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho chị ly hôn anh Võ Đình N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là cháu Võ Thị Ngân K, sinh ngày 14/01/2023; Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cháu K cho chị chăm sóc nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, chị N thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trường hợp Tòa án giao con chung cho anh N nuôi dưỡng thì chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đối với nội dung anh N cho rằng chị bị động kinh và có hành vi ném con là không đúng. Trong thời gian 2022 khi chị đang mang thai thường xuyên bị ốm nghén, nôn mửa không ăn uống được, đồng thời chị bị stress nên suy nhược cơ thể, suy nhược thần kinh. Chị có đi khám tại Trung tâm y tế N và Bệnh viện tâm thần Quảng Ngãi cho thuốc uống hiện nay đã khỏi bệnh, hiện tại chị đi làm bình thường tại Khu công nghiệp Visip T, huyện S. Tại thời điểm đó vì đang mang thai, dịch bệnh và áp lực công việc; Anh N làm ăn thua lỗ không có tiền trang trải cuộc sống gia đình nên chị bị stress chứ chị không bị động kinh như anh N khai. Hiện nay sức khỏe bình thường nên chị yêu cầu giao con dưới 36 tháng tuổi cho chị nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Đình N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như chị N trình bày, nay chị N yêu cầu ly hôn anh thì anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là cháu Võ Thị Ngân K, sinh ngày 14/01/2023; Hiện nay cháu K đang do anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giao cháu K cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, anh N đồng ý trong trường hợp Tòa án giao con chung cho chị N nuôi dưỡng thì anh sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trường hợp Tòa án giao con cho anh nuôi dưỡng thì anh yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về điều kiện chăm sóc, nuôi con: Hiện nay anh đang làm nghề sản xuất, thi công nhôm kính tại thành phố Quảng Ngãi, thu nhập trung bình 20.000.000đồng/tháng còn chị N làm công nhân tại công ty ngoài Khu công nghiệp Visip T, huyện S thu nhập không ổn định và không có thời gian chăm sóc, nuôi con. Đồng thời chị N bị bệnh động kinh, khi lên cơn không kiểm soát được hành vi của mình nên không đủ điều kiện chăm sóc con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Tại bản tự khai ngày 12/6/2024, anh N trình bày trong quá trình làm ăn kinh doanh, vợ chồng có nợ Công ty TNHH MTV Sản xuất và Xây dựng K số tiền 54.569.290đồng; Nợ công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu T số tiền 41.847.722đồng; Nợ Công ty TNHH MTV Kinh doanh kính T số tiền 16.502.180đồng và nợ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T Aluminum Door số tiền 28.558.927đồng. Trường hợp các chủ nợ khởi kiện đòi trả nợ thì anh có trách nhiệm trả số nợ này cho các chủ nợ. Tại phiên tòa, anh Nhất trình bày hiện nay anh đã trả nợ xong cho các công ty nêu trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH MTV Sản xuất và Xây dựng K; Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu T; Nợ Công ty TNHH MTV Kinh doanh kính T, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T Aluminum Door không có văn bản ý kiến và yêu cầu.

Với nội dung vụ án nêu trên, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Ngãi) đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật

trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thanh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thanh N và anh Võ Đình N.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thị Ngân K, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2023 cho chị Lê Thị Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Võ Đình Nhất có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ tháng 7 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định

Ngày 20/6/2025, bị đơn anh Võ Đình N có đơn kháng cáo một phần bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giao con chung là cháu Võ Thị Ngân K, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2023 cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với

những người tham gia tố tụng các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện là có cơ sở, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền, người tham gia tố tụng đúng quy định. Bị đơn kháng cáo trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

[2]. Xét kháng cáo một phần bản án liên quan đến quyền trực tiếp nuôi con chung, HĐXX thấy rằng:

Anh Võ Đình N và chị Lê Thị Thanh N có 01 con chung là cháu Võ Thị Ngân K, sinh ngày 14/01/2023; anh N yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.1]. Bị đơn anh Võ Đình N trình bày chị Lê Thị Thanh N bị bệnh động kinh, mỗi lần lên cơn co giật không kiểm soát được hành vi của mình và có lần đang ôm con thì ném con. HĐXX thấy rằng: Tại văn bản số 63/BVTT ngày 25/02/2025 của Bệnh viện tâm thần tỉnh Quảng Ngãi cung cấp thông tin cho Tòa án thể hiện: Chị N có điều trị ngoại trú theo đơn thuốc từ ngày 08/4/2022 đến ngày 07/6/2022 với kết luận: Suy nhược thần kinh (F48.0) – E58- Thiếu Calci do chế độ ăn, (F48.0) – G43-Migraine. Người bệnh không mất kiểm soát hành vi theo kiểu dị kỳ xa lạ. Bệnh suy nhược thần kinh hay Tâm căn suy nhược (F48.0) không có trong danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ y tế quy định (Thông tư số 46/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ y tế về việc ban hành danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày). Như vậy, việc điều trị bệnh của chị N đã từ năm 2022, bệnh này cũng không nằm trong danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày nên lời trình bày của anh N không có cơ sở để chấp nhận. Đối với chứng cứ anh N cung cấp tại giai đoạn xét xử phúc thẩm là 01 đơn trình bày do anh N soạn có nội dung ngày 28/9/2023, khi chị N làm phục vụ tại quán ăn V đã lên cơn động kinh co giật mất kiểm soát té ngã, có chị Hoàng Thị Lệ C ký người chứng kiến; thấy rằng đây là nội dung anh N tự soạn, chị “Huỳnh Thị Lệ C” ký trong văn bản này không xác định là ai, có quan hệ như thế nào với các đương sự, do đó không có căn cứ để xem xét, mặt khác nếu có sự việc xảy ra cũng đã từ tháng 9/2023 nên đây cũng không được xem là chứng cứ thể hiện hiện tại chị N còn bị bệnh liên quan đến thần kinh. Thời điểm hiện tại, chị N đang làm công nhân tại Khu công

nghiệp Visip Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, do đó có cơ sở xác định chị N đã khỏi bệnh, có đủ khả năng làm việc, sinh hoạt bình thường.

[2.2]. Anh N kháng cáo cho rằng mặc dù cháu K hiện dưới 36 tháng tuổi, nhưng chị N đã không chăm sóc cho cháu K từ khi cháu K mới chỉ 16 tháng tuổi đến nay. Để chứng minh cho kháng cáo của mình, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm anh N cung cấp 03 văn bản đề ngày 22/8/2025 cụ thể: 01 đơn trình bày do anh N soạn có nội dung chị N bỏ về nhà mẹ đẻ mà không thăm nom, chăm sóc cháu K, khi cháu K đau nằm viện cũng không thăm nom, chăm sóc cháu có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Thị Mỹ L; 01 đơn xin xác nhận của anh N soạn có nội dung trình bày cháu K đang học tại trường Mầm non độc lập K, và cháu K vẫn đang học tập tốt tại đây, cũng như anh N vẫn thường xuyên quan tâm việc học hành của cháu K; 01 đơn xin xác nhận gửi TDP số 10, phường N, tỉnh Quảng Ngãi do anh Võ Đình N soạn, đề nghị xác nhận về việc cháu K đang sinh sống cùng anh N và bố mẹ anh N, chị N không nuôi cháu K từ khi cháu được 16 tháng tuổi, anh N cũng tự kê khai thu nhập trung bình là 20.000.000 đồng/tháng; Xét lời trình bày và các chứng cứ đi kèm thấy rằng:

- Đối với người chứng kiến “Nguyễn Thị Mỹ L” ký trong đơn trình bày, không có cơ sở để xác định đây là ai, và là người chứng kiến những sự việc gì bởi lẽ văn bản này do chính bị đơn Võ Đình N tự soạn có nhiều nội dung khác nhau, trong đó chỉ có một nội dung duy nhất có liên quan đến người tên L “*Cô L (bán bún” đối diện nhà tôi có nói với chị N là cháu K bị sốt, nhập viện cấp cứu trong đêm*”, như vậy chỉ thể hiện được người tên L này có báo cho chị N về việc cháu K nhập viện, còn các nội dung khác cũng không thể hiện được việc người tên L này có biết sự việc hay không, do đó chứng cứ này không có cơ sở để xem xét.

- Đối với người ký “xác nhận của nhà trường” trong đơn xin xác nhận do anh Khánh tự soạn là Nguyễn Thị O, không có cơ sở để xác định đây là ai bởi lẽ nếu là xác nhận của nhà trường (Trường mầm non độc lập K) thì người tên Nguyễn Thị O phải là người đại diện theo pháp luật của nhà trường, và phải được đóng dấu đỏ theo quy định để đảm bảo tính xác thực, mặt khác nội dung mà bà Nguyễn Thị O xác nhận cũng chỉ có nội dung cháu Võ Thị Ngân K đang học tại trường, không xác nhận các nội dung khác trong đơn trình bày của anh N.

- Đối với Văn bản anh N xin xác nhận gửi TDP số 10, phường N, tỉnh Quảng Ngãi xác nhận có rất nhiều nội dung khác nhau như việc trình bày chị N không qua lại trông nom, chăm sóc cháu K, chị N không nuôi cháu K từ khi cháu 16 tuổi, bản thân anh N đang làm nghề sản xuất, thi công nhôm kính với thu nhập 20.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên đại diện Tổ dân phố chỉ xác nhận hiện cháu K đang ở với anh N và cha mẹ anh N tại 199/21 B, cháu học tại mẫu giáo Kim O,

thực hiện nghĩa vụ công dân sống nơi cư trú. Như vậy chứng cứ này cũng không chứng minh được việc chị N bỏ con, không quan tâm chăm sóc;

Tại giai đoạn sơ thẩm cả hai bên đương sự đều thừa nhận việc sau khi có mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, tháng 4/2024 chị N đã ôm con về nhà mẹ đẻ để sinh sống, đến tháng 5/2024 anh N đến thăm con và ôm cháu K về ở với anh N. Từ đó đến nay, chị N nhiều lần xuống thăm con nhưng anh N và gia đình ngăn cản, gây khó khăn chị N thăm con, tại phiên toà sơ thẩm anh N cũng thừa nhận việc gia đình anh N có ngăn cản việc đến thăm nom con của chị N, nên việc chị N không thể đến thăm nom, chăm sóc cháu K từ khi cháu 16 tháng tuổi đến nay là khách quan, không phải chị N bỏ lơ không muốn chăm sóc.

[2.3]. Anh N kháng cáo cho rằng chị N hiện đang đi làm tại khu công nghiệp Visip Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, thường xuyên đi sớm về muộn, không có thời gian trực tiếp chăm sóc, đưa đón con đi học, điều kiện trường lớp học cũng không bằng nơi cháu K đang học hiện tại, và anh N cho rằng bản thân anh N có thu nhập trung bình 20.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc linh hoạt, chủ động thời gian chăm sóc con. HĐXX thấy rằng: Về công việc của chị N, anh N không có chứng cứ gì chứng minh chị thường xuyên đi sớm về muộn như lời trình bày, mặt khác anh N cũng trình bày bản thân làm nghề nhôm kính và xây dựng công trình cầu đường, cũng thường xuyên đi làm xa và trình bày cũng sẽ nhờ bố mẹ chăm sóc cháu K, nên về vấn đề này anh N không chứng minh được mình có lợi thế hơn chị N về mặt thời gian chăm sóc con. Về thu nhập, tại cấp sơ thẩm anh N trình bày lương công trình xây dựng mỗi tháng là 8.000.000 đồng, còn thu nhập nhôm kính là không ổn định, còn trong đơn kháng cáo anh lại khai rằng thu nhập trung bình 20.000.000 đồng/tháng, nhưng không có chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở xem xét.

[2.4]. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: *Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.*

Theo hướng dẫn đối với trường hợp “*Người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con*” được quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, chị N không thuộc các trường hợp không đủ điều kiện theo luật định, đồng thời thấy rằng cháu K hiện đang dưới 36 tháng tuổi, là bé gái nên cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục của người mẹ mới đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Võ Thị Ngân K cho chị Lê Thị Thanh N chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Võ Đình N.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên toà cấp sơ thẩm, Anh N đồng ý trường hợp Tòa án giao con chung cho chị N nuôi dưỡng thì anh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng, đây là sự tự nguyện hợp pháp, đảm bảo quyền lợi của con chung.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị đơn anh Võ Đình N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 30, 38, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Võ Đình N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2025/DS-ST ngày 10/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (*nay là Tòa án khu vực 1, tỉnh Quảng Ngãi*)

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thanh N.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thanh N và anh Võ Đình N.

- Về con chung: Giao cháu Võ Thị Ngân K, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2023 cho chị Lê Thị Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Võ Đình N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ tháng 7 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, phúc thẩm: Căn cứ các Điều 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) chị Lê Thị Thanh N tự nguyện chịu; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp (do bà Lưu Thị M nộp thay) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000991 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Hoàn trả số tiền 150.000.đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) cho chị Lê Thị Thanh N. Anh Võ Đình N phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí phúc thẩm: Anh Võ Đình N phải chịu 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo biên lai số 0000025, ngày 10/7/2025 của cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi, anh N đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND t. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS KV1 tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV1 tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND KV1 tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hành

